

Bản án số: 27/2023/KDTM-ST

Ngày: 27/07/2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng thi công

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Thiệm

Bà Bùi Thị Minh Hoa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy: Bà Đinh Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 80/2022/TLST-KDTM ngày 24/10/2022 về việc Tranh chấp Hợp đồng thi công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐXXST-KDTM ngày 19/06/2023 giữa:

Nguyên đơn: Công ty T

Trụ sở: Thôn Tân Sơn 2, xã TD, huyện L, tỉnh B. Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Thu H** - Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn N** và ông **Quan Khắc Q** - Theo Hợp đồng ủy quyền số 02-2104/2022/HĐUQ và Quyết định số 1001/2022/QĐ-NWLF ngày 31/10/2022 (ông N và ông Q có mặt)

Bị đơn: Công ty F

Trụ sở: Số 265 đường C, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Tiến D** – Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hải H**, ông **Trần Văn H1** - Theo giấy ủy quyền số 11/GUQ-CT ngày 25/07/2023 (ông H và ông H1 có mặt)

NHẬN THẤY

Ngày 14/06/2022, Công ty T (Trong bản án viết tắt là Công ty T) nộp đơn khởi kiện Công ty F (Trong bản án viết tắt là Công ty F) về việc tranh chấp Hợp đồng thi công và yêu

cầu Công ty F thanh toán cho Công ty T toàn bộ các khoản nợ gốc, tiền phạt vi phạm chậm thanh toán và lãi chậm trả theo Hợp đồng thi công số 437/2018/HĐTC ngày 07/11/2018 và các phụ lục kèm theo với số tiền tạm tính đến ngày khởi kiện là: 2.255.416.692 Đồng.

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn N và ông Quan Khắc Q trình bày:

Ngày 07/11/2018, Công ty T và Công ty F ký Hợp đồng thi công số 437/2018/HĐTC/COASTALHILL/F-T. Theo đó, Công ty T sẽ cung cấp vật tư và thi công lắp đặt kết cấu thép khách sạn của công trình Tổ hợp nhà ở căn hộ khách sạn (CT) The FCH, thuộc dự án Khu đô thị du lịch sinh thái F Q1, tại địa điểm: Xã Nhơn Lý, thành phố Q1, tỉnh Bình Định.

Ngày 10/08/2020, Công ty F tiếp tục ký kết với Công ty T phụ lục hợp đồng số 03 của Hợp đồng 437 với giá trị đã bao gồm thuế GTGT 10% là: 436.498.150 VNĐ. Tổng giá trị của Hợp đồng 437 và các phụ lục kèm theo là: 5.850.419.922 VNĐ.

Ngày 15/03/2021, Công ty T đã hoàn thành xong các nội dung, công việc của Hợp đồng 437 và các phụ lục kèm theo. Các bên có liên quan đã cùng nhau thống nhất ký Biên bản nghiệm thu bàn giao vận hành số 1/NTBGVH/KCT và Biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận xây dựng đưa vào sử dụng số 01/HTGD/KCT; Chủ đầu tư và Ban quản lý dự án F Bình Định đã đưa công trình đi vào sử dụng thực tế.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty F đã thanh toán cho Công ty T 10 lần thanh toán với tổng số tiền đã thanh toán là 4.090.952.974 VNĐ, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 22/01/2019, thanh toán 500.000.000 Đồng;
- Lần thứ 2: Ngày 07/3/2019, thanh toán 985.655.100 Đồng;
- Lần thứ 3: Ngày 09/8/2019, thanh toán 200.000.000 Đồng;
- Lần thứ 4: Ngày 21/8/2019, thanh toán 400.000.000 Đồng;
- Lần thứ 5: Ngày 18/9/2019, thanh toán 200.000.000 Đồng;
- Lần thứ 6: Ngày 23/10/2019, thanh toán 300.000.000 Đồng;
- Lần thứ 7: Ngày 11/11/2019, thanh toán 200.000.000 Đồng;
- Lần thứ 8: Ngày 17/01/2020, thanh toán 200.000.000 Đồng;
- Lần thứ 9: Ngày 17/7/2020, thanh toán 827.526.325 Đồng;
- Lần thứ 10: Ngày 28/8/2020, thanh toán 277.771.550 Đồng.

Ngày 17/6/2019, Công ty T đã xuất hóa đơn GTGT lần thứ nhất với giá trị là 3.813.181.425 VNĐ (Đã bao gồm 10% VAT) cho Công ty F theo hồ sơ thanh toán lần 1.

Ngày 26/10/2021, theo yêu cầu bổ sung Hồ sơ giá trị quyết toán Công ty T đã xuất hóa đơn GTGT lần thứ hai với giá trị là 2.037.238.497 VNĐ (Đã bao gồm 10% VAT) cho Công ty F.

Sau khi Công ty T hoàn thành việc bổ sung Biên bản thanh lý và xuất hóa đơn GTGT lần 2 vào ngày 26/10/2021 phía Công ty F không còn có thêm bất cứ yêu cầu, bổ sung hay sửa đổi nào đối với Hồ sơ giá trị quyết toán của Hợp đồng 437 và các phụ lục kèm theo. Đến ngày 23/11/2021, theo thông báo từ Công ty F, đại diện của Công ty T đã trực tiếp tới trụ sở của Công ty F để nhận lại Hồ sơ giá trị quyết toán.

Kể từ ngày Hồ sơ giá trị quyết toán được Công ty F chấp thuận hợp lệ vào ngày 26/10/2021, theo thỏa thuận tại Hợp đồng, Công ty F sẽ phải thực hiện việc thanh toán toàn bộ giá trị quyết toán cho Công ty T trong vòng 14 ngày làm việc (tức là từ ngày 27/10/2021 đến hết ngày 10/11/2021). Tuy nhiên, hết thời hạn này, Công ty F đã không thực hiện việc thanh toán đầy đủ theo cam kết trong Hợp đồng 437, dù sau đó phía Công ty F tiếp tục xác nhận công nợ với Công ty T đến ngày 31/12/2021 là 1.759.466.947 đồng theo Thư xác nhận công nợ - phải trả cho người bán (Dư có TK 331).

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng thi công số 437/2018/HĐTC/COASTALHILL/F-T ngày 07/11/2018 số tiền: 2.255.416.692 đồng (bao gồm số tiền gốc 1.759.466.947 đồng, tiền phạt vi phạm chậm thanh toán 140.757.356 đồng và khoản tiền lãi chậm trả 355.192.389 đồng tính từ ngày 11/11/2021 đến ngày 11/06/2023).

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Ông Nguyễn Hải H và ông Trần Văn H1 trình bày:

Công ty F xác nhận: Ngày 07/11/2018 có ký Hợp đồng thi công số 437/2018/HĐ với Công ty T, số tiền gốc mà Công ty F còn nợ Công ty T tính từ ngày 11/11/2021 đến ngày 11/06/2023 là 1.759.466.947 VNĐ. Căn cứ vào Điều 20.8 Hợp đồng 437 thì hai bên đã thống nhất mức phạt vi phạm hợp đồng tối đa là 8% giá trị vi phạm và được áp dụng cách tính theo cách tính lãi suất tiền gửi tiết kiệm đồng Việt Nam. Công ty F thống nhất trả cho Công ty T số tiền gốc 1.759.466.947 VNĐ và 8% giá trị vi phạm của hợp đồng là: $1.759.466.947 VNĐ \times 8\% = 140.757.356 VNĐ$

Đối với khoản lãi chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu là 355.192.389 VNĐ, bị đơn Công ty F cho rằng không phù hợp, không có căn cứ để xác định lãi suất là 12,75%/năm nên không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

TẠI PHIÊN TÒA

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ông Nguyễn Văn N và ông Quan Khắc Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết việc tranh chấp Hợp đồng thi công để yêu cầu Công ty F thanh toán cho Công ty T toàn bộ các khoản nợ gốc, tiền phạt vi phạm chậm thanh toán và lãi chậm trả theo Hợp đồng thi công số 437/2018/HĐTC/COASTALHILL/F-T ngày 07/11/2018 và các phụ lục kèm theo được ký kết giữa hai bên là: 2.255.416.692 đồng. Trong đó, số tiền gốc là 1.759.466.947 VNĐ, tiền phạt vi phạm chậm thanh toán 140.757.356 VNĐ và khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày 11/11/2021 đến ngày 11/06/2023 là 355.192.389 VNĐ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn – Công ty F vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày

PHẦN TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TÒA

Tại phiên tòa các đương sự không tranh luận gì thêm

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật cần giải quyết, tư cách những người tham gia tố tụng; Đảm bảo điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ đúng trình tự và đầy đủ. Các đương sự, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- **Về nội dung:** Ngày 07/11/2018, Công ty T ký với Công ty F hợp đồng thi công số 437/2018/HĐTC/COASTALHILL/F-T.

Ngày 10/08/2020, Công ty F tiếp tục ký kết với Công ty T phụ lục hợp đồng số 03 của Hợp đồng 437 với giá trị đã bao gồm thuế GTGT 10% là: 436.498.150 VNĐ. Tổng giá trị của Hợp đồng 437 và các phụ lục kèm theo là: 5.850.419.922 VNĐ.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty F không thực hiện đúng cam kết về việc thanh toán, nên Công ty T khởi kiện để đòi số tiền nợ gốc, tiền phạt vi phạm chậm thanh toán và lãi chậm trả là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Về án phí:** Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công” giữa các bên có đăng ký kinh doanh là tranh chấp về kinh doanh

thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là Công ty F có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại số 265 đường C, phường D, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Vì vậy khi Công ty T khởi kiện, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết là phù hợp với quy định điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty F vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa không có lý do. Mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng không có mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử mà không hòa giải là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Căn cứ hợp đồng thi công số 437/2018/HĐTC/COASTALHILL/F-T ngày 07/11/2018 và các phụ lục kèm theo, biên bản nghiệm thu và biên bản thanh lý, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở để xác định:

Ngày 07/11/2018, giữa Công ty T và Công ty F ký Hợp đồng thi công số 437/2018/HĐTC/COASTALHILL/F-T. Theo đó, Công ty T sẽ cung cấp vật tư và thi công lắp đặt kết cấu thép khách sạn của công trình Tổ hợp nhà ở căn hộ khách sạn (CT) The FCH, thuộc dự án Khu đô thị du lịch sinh thái F Q1, tại địa điểm: Xã NL, thành phố Q1, tỉnh B. Giá trị hợp đồng là 5.850.419.922 VNĐ.

Xét thấy hợp đồng được ký kết giữa các bên có đăng ký kinh doanh, nội dung thỏa thuận về lĩnh vực xây dựng công trình nên thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Xây dựng năm 2014. Hình thức, nội dung của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 138, Điều 141 Luật Xây dựng nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Việc hai bên ký hợp đồng thi công số 437/2018/HĐTC/COASTALHILL/F-T là hoàn toàn tự nguyện. Khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng không trái đạo đức và quy định của pháp luật nên hợp đồng thi công số 437 có giá trị và các bên cùng có nghĩa vụ thực hiện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty F đã thanh toán cho Công ty T 10 lần thanh toán với tổng số tiền đã thanh toán là 4.090.952.974 VNĐ.

Kể từ ngày hồ sơ giá trị quyết toán được Công ty F chấp thuận hợp lệ vào ngày 26/10/2021 thì theo thỏa thuận tại Hợp đồng, Công ty F sẽ phải thực hiện việc thanh toán toàn bộ giá trị quyết toán cho Công ty T trong vòng 14 ngày làm việc (tức là từ ngày 27/10/2021 đến hết ngày 10/11/2021).

Tuy nhiên, hết thời hạn này, Công ty F đã không thực hiện việc thanh toán đầy đủ theo cam kết trong Hợp đồng 437, dù sau đó phía Công ty F tiếp tục xác nhận công nợ với Công ty T đến ngày 31/12/2021 là 1.759.466.947 VNĐ theo Thư xác nhận công nợ - phải trả cho người bán.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án Công ty T yêu cầu Công ty F thanh toán số tiền nợ gốc là 1.759.466.947 đồng. Căn cứ thư xác nhận công nợ - phải trả cho người bán (dư có TK 331) của Công ty F gửi cho Công ty T (BL 415) thì đến ngày 31/12/2021, Xác nhận Công ty F còn nợ Công ty T số tiền gốc là 1.759.466.947 đồng. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận khoản nợ gốc như trên. Nên Công ty T yêu cầu đòi số tiền trên là có căn cứ phù hợp quy định tại các điều 50, 55 Luật Thương mại và buộc Công ty F trả Công ty T nợ gốc là 1.759.466.947 đồng.

- Đối với số tiền phạt vi phạm chậm thanh toán: Tại Điều 20.8 Hợp đồng 437 quy định về việc phạt vi phạm hợp đồng được các bên thỏa thuận như sau: *“Nếu Bên A thanh toán chậm cho Bên B thì Bên A sẽ phải trả lãi cho những ngày chậm thanh toán theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng lãi trả cuối kỳ do Ngân hàng BV công bố/áp dụng tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền và số ngày chậm thanh toán. Tổng tiền lãi không quá 8% (tám phần trăm) giá trị vi phạm”*.

Hai bên đã thống nhất mức phạt vi phạm hợp đồng tối đa là 8% giá trị vi phạm và được áp dụng cách tính theo cách tính lãi suất tiền gửi tiết kiệm đồng Việt Nam. Mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng lãi trả cuối kỳ do ; áp dụng vào thời điểm tháng 11/2021 là 5,5%/12 tháng.

8% giá trị vi phạm của hợp đồng là: $1.759.466.947 \text{ VNĐ} \times 8\% = 140.757.356 \text{ VNĐ}$ (Một trăm bốn mươi triệu, bảy trăm năm mươi bảy ngàn, ba trăm năm mươi sáu ngàn Việt Nam Đồng).

Tại phiên tòa bị đơn không đồng ý thanh toán khoản tiền trên. Tuy nhiên theo thỏa thuận của Hợp đồng hai bên đã ký thì buộc công ty Công ty F phải thanh toán khoản tiền trên là có căn cứ.

- Đối với khoản tiền lãi chậm trả: Kể từ khi lập biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/12/2021 thì bên có nghĩa vụ thanh toán là Công ty F chưa trả lại số tiền 1.759.466.947 đồng.

Khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015 quy định *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả*

nợ”. Tại khoản 1 điều 468 quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...*”. 50% mức lãi suất tại khoản 1 Điều 468 là 10%.

Nguyên đơn Công ty T yêu cầu tính lãi suất 12,75%/01 năm đối với số tiền chậm trả tạm tính từ ngày 11/11/2021 đến ngày 11/06/2023: $(1.759.466.947 \text{ đồng} \times 12,75\%/01 \text{ năm} \times 01 \text{ năm } 07 \text{ tháng}) = 355.192.389 \text{ đồng}$ là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xác định 10% của khoản tiền vay $1.759.466.947 \text{ VNĐ} = 1.759.466.947 \times 10\% = 175.946.694 \text{ VNĐ}$ (Một trăm bảy mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi bốn đồng).

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty F phải thanh toán khoản tiền 1.759.466.947 đồng nợ gốc và 140.757.356 đồng tiền phạt vi phạm chậm thanh toán là 175.946.694 VNĐ

Tổng cộng: $1.759.466.947 + 140.757.356 + 175.946.694 = 2.076.170.997 \text{ đồng}$.

[3] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 138, Điều 141 Luật Xây dựng;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với Công ty F về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”.

2. Buộc Công ty F thanh toán cho Công ty T toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi theo Hợp đồng thi công số 437/2018/HĐTC/COASTALHILL/F-T và các phụ lục kèm theo được ký kết giữa hai bên là: **2.076.170.997 đồng**. (Trong đó, số tiền nợ gốc là 1.759.466.947, tiền phạt vi phạm chậm thanh toán là: 140.757.356 đồng, tiền lãi chậm trả là 175.946.694 đồng)

Buộc Công ty F tiếp tục phải chịu lãi suất theo lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Thời gian tính lãi được tính từ ngày 28/7/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Công ty F phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 72.152.300 đồng

Công ty T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty T số tiền 35.600.000 đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số AA/2020/0018796 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn, họ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lương